

Mẫu hình đạo đức lý tưởng trong triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII

Đỗ Thị Thùy Trang^(*)

Tóm tắt: Bao trùm lên toàn bộ nền triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII chính là tinh thần tự do và bình đẳng. Tự do và bình đẳng trở thành chủ đề mang tính đạo đức nền tảng. Con người từ khi được tự do về tinh thần và thể xác đã có động lực mạnh mẽ để phát triển tư duy duy lý, lý tưởng khai sáng và tinh thần khoan dung. Thông qua những chủ đề cơ bản đó, chúng ta có thể thấy được mẫu hình đạo đức lý tưởng của thời đại Khai sáng bởi chúng là hiện thân của cái thiện tối đa. Bài viết tập trung phân tích những chủ đề cơ bản của đạo đức thời kỳ Khai sáng Pháp, từ đó rút ra những giá trị và hạn chế của nó đối với sự phát triển của lịch sử tư tưởng đạo đức.

Từ khóa: Triết học Khai sáng Pháp, Tự do, Bình đẳng, Duy lý, Khai sáng, Khoan dung, Mẫu hình đạo đức

Abstract: The 18th century French Enlightenment philosophy was imbued with the spirit of freedom and equality as fundamental ethical themes. Freedom of mind and body has created a strong impetus for rational thinking, enlightened ideals, and a spirit of tolerance. These basic themes make it possible to see the ideal moral model of the Enlightenment because they embody the ultimate good. The paper analyzes the basic topics of ethics in the French Enlightenment period; thereby drawing its values and limitations for the development of the history of moral thought.

Keywords: Philosophy of French Enlightenment, Freedom, Equality, Rationalism, Enlightenment, Tolerance, Moral Model, French

Mở đầu

Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII¹ là ngọn cờ lý luận của cuộc Đại Cách mạng Tư sản Pháp năm 1789. Cuộc cách mạng này đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển lớn mạnh và trở thành một hệ

thống trên thế giới. Vì thế, có thể hiểu triết học Khai sáng Pháp chính là cội nguồn sức mạnh, là nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ đầu phát triển. Trong

^(*) TS., Trường Đại học Văn Lang;

Email: trang.do@vlu.edu.vn

¹ Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII là sự kế tục và phát triển mới về chất các khuynh hướng tư tưởng bài trừ siêu hình học thế kỷ XVII, cũng như

đánh giá lại các giá trị triết học truyền thống. Nó bắt đầu từ sự phê phán một cách mạnh mẽ các quan niệm cũ về thế giới con người. Giờ đây “Tôn giáo, quan niệm về tự nhiên, xã hội, tổ chức nhà nước,... tất cả đều được đem ra phê phán hết sức nghiêm khắc, tất cả đều phải ra trước tòa án của lý tính và biện hộ cho sự tồn tại của mình hoặc từ bỏ sự tồn tại của mình”.

đó, tư tưởng đạo đức của triết học Khai sáng Pháp được chủ nghĩa tư bản kế thừa trực tiếp và mạnh mẽ nhất.

Đạo đức là tập hợp những quy tắc ứng xử, tức là những chuẩn mực trong cách ứng xử giữa người với người trong xã hội. Vấn đề cơ bản nhất mà đạo đức quan tâm là mối quan hệ giữa thiện - ác. Theo đó, cái thiện tối đa mà các nhà Khai sáng hướng tới được xây dựng trên nền tảng những đặc điểm tư duy của thời kỳ Khai sáng¹. Đây là thời kỳ được lịch sử nhắc đến với những đặc trưng nổi bật về tinh thần phản kháng chống lại trật tự đương thời do sự thống trị của các thế lực phong kiến và nhà thờ; đồng thời là sự đề cao khả năng lý tính. Từ những đặc điểm tư duy đó mà các nhà Khai sáng đã nỗ lực xây dựng một mẫu hình đạo đức lý tưởng hội tụ những điều thiện của thời đại. Điều này bao hàm bên trong những đòi hỏi về mặt đạo đức đối với con người sống trong thời đại đó.

1. Quan niệm về đạo đức lý tưởng trong triết học Khai sáng Pháp

1.1. Tinh thần tự do

Kế thừa nền tảng lý luận của J. Locke (1632-1704)² về tự do, các nhà Khai sáng Pháp đã phát triển quan điểm tự do lên một tầm cao mới, phù hợp với bối cảnh của thời đại Khai sáng. Nhận xét về điều này, Diderot cho rằng: “Mỗi một thế kỷ đều có tinh thần riêng của nó. Tinh thần của thời đại chúng ta là tinh thần tự do” (Viện

Triết học, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, 1962: 130). Tự do chính là vấn đề cơ bản và là khát vọng lớn nhất của con người trong mọi thời đại (Đỗ Thị Thùy Trang, 2021: 47). Về sau, tự do và bình đẳng là những phạm trù gắn liền với nhau và trở thành ngọn cờ lý luận cho phong trào Cách mạng Tư sản Pháp năm 1789.

Nếu hiểu thuật ngữ “tự do” dùng để chỉ “tình trạng của vật không chịu sự câu thúc, vật vận động đúng theo ý chí của nó, theo bản tính tự nhiên của nó” (Wahl, 2006: 542), thì trên bình diện hoạt động người, tự do chính là quyền của con người được hoạt động hoàn toàn không phụ thuộc vào ý chí hay sự sai bảo của người khác. Từ đó, các nhà Khai sáng Pháp đã đưa vào phạm trù tự do nhiều nội dung mới, phong phú và sinh động. Bối cảnh của thời đại đã giúp các nhà Khai sáng Pháp ý thức sâu sắc về tự do. J.J. Rousseau (1712-1778) cho rằng “người ta sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu người ta cũng bị xiềng xích”, câu nói này đã mở đầu cho thời đại đấu tranh giành quyền tự do cho con người. Tinh thần chủ đạo của triết học Khai sáng Pháp đã khẳng định quyền tự do của con người cá nhân; đồng thời xem tự do chính là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển cá nhân và là dấu hiệu cơ bản thể hiện bản chất người. Một con người có đạo đức trước hết phải là một con người tự do.

Các nhà Khai sáng Pháp đã dựa vào nguồn gốc tự nhiên của tự do cá nhân để bảo vệ quyền tự do ấy của con người. Họ khẳng định: “Triết học Khai sáng quan niệm về con người theo lối tự nhiên chủ nghĩa, tức con người được hiểu là một thực thể tự nhiên, mọi đặc điểm và nhu cầu của nó đều mang tính vật chất và do tự nhiên quy định” (Dẫn theo: Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn, 2006:

¹ Thời kỳ Khai sáng (Age of Enlightenment), diễn ra từ cuối thế kỷ XVII đến xuyên suốt thế kỷ XVIII, là giai đoạn khoa học và tư tưởng nở rộ, mà đỉnh cao là hai cuộc cách mạng Mỹ và Pháp.

² John Locke (1632-1704) là nhà triết học tiêu biểu của nước Anh thế kỷ XVII, đồng thời là một trong những nhà triết học chính trị có ảnh hưởng lớn đối với sự vận động của hiện thực chính trị - xã hội nhân loại trong thời kỳ hiện đại.

459). Như vậy, đối với các nhà Khai sáng Pháp, con người đã thoát ra khỏi sự ảnh hưởng của Chúa, không còn là sản phẩm và hình ảnh của Chúa mà đã tìm về với cái tự nhiên để làm cơ sở vững chắc, đảm bảo cho quyền tự do của con người cá nhân. Trong đó, con người đối xử với nhau một cách tự do và bình đẳng, đều có quyền hạn như nhau; vì thế không có lý do gì phải phục tùng ý chí của người khác. Sau này, Charles de Secondat Montesquieu (1689-1755) đã phát triển và làm sâu sắc thêm trạng thái tự nhiên để chứng minh tự do là bản chất tự nhiên của con người và trong trạng thái tự nhiên, con người là những cá nhân hoàn toàn tự do. Ông giải thích rằng, trong trạng thái tự nhiên “mỗi người đều thấy mình thấp kém và hầu như thấy ai cũng như mình. Họ không tìm cách tấn công nhau, và hòa bình là luật tự nhiên đầu tiên” (Montesquieu, 2004: 41). Quan điểm về tự do của con người cá nhân tiếp tục được Rousseau làm sáng tỏ qua luận điểm “tự do là từ bản chất con người mà có. Luật đầu tiên của tự do là mỗi người phải được chăm lo sự tồn tại của mình. Những điều quan tâm đầu tiên là quan tâm đến bản thân. Ở tuổi lý trí, con người phải tự mình định đoạt các phương tiện sinh tồn của mình, và do đó tự mình làm chủ lấy mình” (Rousseau, 2004: 53). Có thể nói, quan điểm về tự do được phát triển hoàn thiện trong hệ thống triết học chính trị của Rousseau nói riêng và các nhà Khai sáng Pháp nói chung. Trước hết là tự do cá nhân, cá nhân có quyền và có nghĩa vụ định đoạt lấy đời sống của mình. Tôn trọng tự do cá nhân là điều bất khả xâm phạm được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Các nhà Khai sáng Pháp còn quan tâm đến tự do ở phương diện thứ hai, đó là sự biến đổi của tự do cá nhân khi con người

bước từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái xã hội công dân. Những bất ổn trong trạng thái tự nhiên buộc con người phải liên kết lại trở thành một lực lượng lớn mạnh dựa trên sự thỏa thuận chung, ký kết khế ước xã hội. Sống trong trạng thái xã hội công dân, con người sẽ được an toàn trước những bất ổn do xã hội gây ra. Tự do trong xã hội công dân khác hẳn với tự do trong trạng thái tự nhiên của con người. Rousseau chỉ rõ: “Với khế ước xã hội, con người mất đi cái tự do tự nhiên và cái quyền hạn chế được làm những điều muốn làm mà làm được; nhưng mặt khác, con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái mà anh ta có” (Rousseau, 2004: 73-74). Lúc này, tự do mang một ý nghĩa hoàn toàn mới; đó là “quyền được làm tất cả những điều mà luật pháp cho phép” (Montesquieu, 2004: 105).

Với quan điểm tự do trong trạng thái xã hội công dân (hay nói cách khác là tự do dân sự), đứng trên phương diện đạo đức, cái thiện tối đa, chuẩn mực đạo đức hay hình mẫu lý tưởng của thời kỳ Khai sáng là tự do. Tự do ở đây là tự do trong khuôn khổ pháp luật và tự do thực hiện ý chí chung của toàn xã hội (Đỗ Thị Thùy Trang, 2020: 96). Từ quan điểm tự do cá nhân, các nhà Khai sáng Pháp đã cụ thể hóa thành các quyền tự do chính trị, tự do tư tưởng, tự do tôn giáo - tín ngưỡng, tự do hoạt động kinh tế,... Các quyền tự do đó là bất khả xâm phạm và đã được hiện thực hóa trong xã hội tư sản hiện đại.

Đối với các nhà Khai sáng, tự do luôn gắn liền với bình đẳng, quyền tư hữu; bởi họ cho rằng, bình đẳng và quyền tư hữu đều là những biểu hiện về mặt đạo đức của xã hội tư sản. Vì thế tự do và bình đẳng là những giá trị gắn liền và thống nhất với nhau, “không có bình đẳng thì không thể có tự do được” (Rousseau, 2004: 115). Bên cạnh đó, chúng

ta cũng cần phải lưu ý rằng, đối với một xã hội tư sản (mà các nhà Khai sáng đang sinh sống và chịu sự tác động trực tiếp từ xã hội đó), quyền tư hữu được xem là một chuẩn mực đạo đức. Trong đó, quyền tư hữu được coi như một nội dung quan trọng của tự do; bởi lẽ người tự do luôn có quyền sở hữu những thứ thuộc về mình và đồng thời tôn trọng tự do của người khác cũng chính là tôn trọng quyền tư hữu của họ.

Như vậy, tự do chính là giá trị cơ bản để xác lập những tiêu chuẩn đạo đức thời kỳ Khai sáng, gợi mở ra nhiều vấn đề khác có liên quan như: quyền bình đẳng, quyền tư hữu... Ở đây, sự đề cao tự do cá nhân của các nhà Khai sáng Pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về mặt đạo đức; bởi tự do của cá nhân với tư cách là thành viên của xã hội tư sản - trạng thái xã hội đang được xác lập nên nó được xem là cái chuẩn mực đạo đức và là cái tiền đề so với trật tự đương thời.

1.2. Tinh thần duy lý

Một trong những đặc trưng bao trùm của triết học thời kỳ Cận đại (thế kỷ XVII-XVIII) là tinh thần duy lý. Triết học Khai sáng Pháp cũng thuộc giai đoạn lịch sử đó nên nó cũng mang nét chung lớn nhất: tinh thần duy lý. Tinh thần duy lý được thể hiện ở chỗ các nhà Khai sáng Pháp luôn mong muốn được khám phá cái trật tự hợp lý, cái quy luật trong mớ hỗn độn chung (Nguyễn Thị Thu Hương, 2019: 80). Chủ nghĩa duy lý được xem là cái gốc của nền triết học Khai sáng và tư tưởng đạo đức Khai sáng. Ở đây, chúng ta không xem xét tinh thần duy lý ở góc độ nhận thức luận mà xem xét ở phương diện đạo đức; bởi đối với các nhà Khai sáng Pháp, người có đạo đức là người có lý trí và có niềm tin.

Về *chủ nghĩa duy lý* (rationalisme): Ở phương diện thế giới quan, duy lý thể hiện niềm tin vào lý trí, vào sự thật hiển nhiên

của ánh sáng tự nhiên và là niềm tin vào khả năng vô tận của lý tính con người. Ở phương diện đạo đức, nó chính là sự phản kháng chống lại thế lực nhà thờ đã đặt niềm tin tôn giáo lên trên lý tính. Pierre Bayle (1647-1706) khẳng định “tôn giáo và chân lý không nhất thiết phải gắn bó với nhau. Chỉ cần nhờ tôn giáo can thiệp khi nào lý trí hết khả năng giải quyết các khó khăn. Nghĩa là: lòng tin Chúa chỉ cần mang ra áp dụng đối với cái gì đã thật là phi lý” (Dẫn theo: Phùng Văn Tửu, Tập 3, 1991: 343). La Mettrie (1709-1751) còn thực tế hơn khi cho rằng: “Tất cả những gì không được rút ra từ trong chính thiên nhiên, tất cả những gì không phải là hiện tượng, nguyên nhân, hậu quả, đều không khiến triết học chú ý đến chút nào cả” (Dẫn theo: Wahl, 2006: 63). Rõ ràng, các nhà duy lý đã nỗ lực tách rời lý tính ra khỏi mối quan hệ với tôn giáo, nghĩa là đã đặt đối tượng của khoa học dưới ánh sáng của lý tính; nhờ đó mà đã tạo động lực cho sự phát triển vượt bậc của khoa học và triết học.

Tính đạo đức của chủ nghĩa duy lý còn được thể hiện ở chỗ nhờ có lý tính sáng suốt, con người mới có thể thoát ra khỏi những kim hãm, trói buộc của sự chuyên chế, có đủ khả năng vượt qua sự áp đặt giáo điều để có thể đạt đến tri thức chân thực. Chỉ khi nào thoát khỏi mọi sự chuyên chế và áp đặt từ cả bên trong lẫn bên ngoài thì con người mới thực sự được tự do; bởi “tự do là một tặng phẩm do Trời ban cho và mỗi người có quyền hưởng dụng khi nào có lý trí” (Nguyễn Mạnh Tường, 1994: 111).

1.3. Lý tưởng khai sáng

Khi bàn về vấn đề đạo đức trong thời kỳ Khai sáng Pháp, sẽ thật thiếu sót nếu không đề cập đến lý tưởng khai sáng mà các nhà Khai sáng đã cống hiến cho nhân loại. Xuất phát từ bản tính tự nhiên của

con người, Baron d'Holbach (1723-1789) - một nhân vật xuất chúng trong Phong trào Khai sáng ở Pháp, cho rằng: “con người ta sinh ra vốn không thiện không ác và sở dĩ con người có khuyết điểm thì đó là do điều kiện chung quanh nhất là điều kiện chính trị” (Dẫn theo: Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, 1962: 154). Tương tự, Rousseau nhấn mạnh thêm: “Con người về bản chất là tốt đẹp và chính xã hội đã làm hư hỏng nó” (Rousseau, 2004: 87). Những quan điểm trên đã toát lên tinh thần phê phán trật tự xã hội hiện tồn và đồng thời khẳng định con người hoàn toàn có thể cải tạo lại được do bản chất tự nhiên không phải là xấu. Đây là cơ sở để các nhà Khai sáng nỗ lực hết mình, dùng ánh sáng của lý trí để cải tạo xã hội và hoàn thiện con người cá nhân (Nguyễn Mạnh Tường, 1994: 119).

Bằng hoạt động khai sáng (đề cao trào lưu hoạt động truyền bá tri thức), các nhà triết học Pháp thế kỷ XVIII đã cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh chống lại thần quyền (các thế lực giáo hội Công giáo) và thế quyền (các thế lực phong kiến) đã kìm hãm người dân trong vòng ngục tối, nghèo khổ cùng cực bị dồn nén về mọi mặt. Trước tình cảnh đó, các nhà Khai sáng đã nỗ lực mang lại cho con người những tri thức khoa học; nhờ đó họ đã ý thức được bản thân mình và hiểu được vai trò của mình trong xã hội. Bên cạnh đó, họ còn nhấn mạnh tác động của các tri thức khoa học đến mọi mặt của đời sống xã hội; từ đó ra sức cổ vũ cho sự truyền bá khoa học (Nguyễn Thị Thu Hương, 2019: 82). Nhờ vậy, các nhà Khai sáng đã tạo nên sự thay đổi lớn lao trong đời sống xã hội khi mở ra một thời đại tươi sáng, xua tan màn đêm tăm tối của những ngày tháng đã qua. Đây chính là giá trị đạo đức trong lý tưởng khai sáng của triết học Pháp thế kỷ

XVIII. Những hoạt động khai sáng, truyền bá ánh sáng của họ đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của nước Pháp nói riêng và thúc đẩy sự phát triển của lịch sử nhân loại nói chung.

1.4. Tinh thần khoan dung

Thuật ngữ “khoan dung” có nghĩa là sự chấp nhận, sự tha thứ. “Khoan dung chính là sự tha thứ, sự thừa nhận, tôn trọng lẫn nhau mà ở cấp độ cao nhất là sự tiếp nhận (Trương Thị Thanh, 2020: 59). “Khoan dung đó là sự hài hòa trong tính đa dạng. Đó không chỉ là nghĩa vụ đạo đức, mà còn là nhu cầu chính trị và pháp lý. Khoan dung - đó là phẩm hạnh, cái đảm bảo cho hòa bình và tạo điều kiện thay thế văn hóa chiến tranh bằng văn hóa hòa bình (Xem: Đinh Ngọc Thạch, Lê Thị Minh Thy, 2021: 5).

Nguyên nghĩa của từ khoan dung có nguồn gốc từ tôn giáo và được gắn liền với tôn giáo. Cụ thể là nó xuất hiện trong cuộc chiến tranh tôn giáo giữa Công giáo và Tin lành (thế kỷ XVII). Cả hai bên đã kết thúc chiến tranh bằng cách khoan thứ cho nhau. Từ đó, khoan dung đã trở thành một nguyên tắc của tất cả các tôn giáo.

Ngày nay, nội hàm của khoan dung được mở rộng trong nhiều lĩnh vực và trở thành một chuẩn mực đạo đức chung. Trong tôn giáo, khoan dung tức là chấp nhận và không can thiệp vào tín ngưỡng và niềm tin tín ngưỡng của người khác. Trong xã hội, khoan dung là sự chấp nhận và không can thiệp vào những chính kiến của người khác hoặc của quốc gia khác. Trong văn hóa, khoan dung là sự chấp nhận và không can thiệp vào những lối sống và phong tục tập quán khác nhau. Trong tư tưởng, khoan dung có nghĩa là chấp nhận và không can thiệp vào những tư tưởng khác biệt. Như vậy, có thể hiểu, để tồn tại

trong một thế giới có đầy những khác biệt về giá trị, khoan dung sẽ là một chuẩn mực buộc con người phải tuân theo để có thể cùng chung sống một cách hòa bình. Đó chính là ý nghĩa về mặt đạo đức của lòng khoan dung.

Đối với các nhà Khai sáng, khoan dung tôn giáo không có nghĩa là phê phán trực tiếp niềm tin tôn giáo mà là phê phán những thiên kiến tôn giáo. Tinh thần khoan dung tôn giáo thể hiện ở sự chấp nhận đối với những người vô thần và đa thần. Nếu trước đây vô thần bị coi là một biểu hiện vô đạo đức thì giờ đây các nhà Khai sáng đã thừa nhận những người vô thần. Có rất nhiều người trong số họ là những nhà vô thần nổi tiếng như La Mettrie, Diderot, Holbach... Việc chấp nhận những người vô thần đã thể hiện tinh thần khoan dung.

Bên cạnh đó, tinh thần khoan dung tôn giáo của các nhà Khai sáng Pháp còn được thể hiện ở tư tưởng đề cao tôn giáo tự nhiên. Xuất phát từ quan điểm về bản chất tự nhiên của con người, phản đối sự áp đặt tư tưởng của thế lực nhà thờ cùng với sự truyền bá những thiên kiến tôn giáo, các nhà tư tưởng đã đề cho mẫu hình người công dân lý tưởng (nhân vật Émile trong tác phẩm *Émile hay bàn về giáo dục* của J.J. Rousseau) khi đến tuổi trưởng thành được tự do lựa chọn một thứ tôn giáo tự nhiên. Rousseau cho rằng, “tôi gọi là Thượng đế, Người có ý chí và khả năng muốn làm gì được nấy, tự mình hoạt động, chuyển động vũ trụ và xây dựng hệ thống vạn vật. Tôi cảm thấy một Thượng đế bên trong toàn bộ sự nghiệp người hoàn thành. Tôi cảm thấy Thượng đế trong bản thân tôi, chung quanh tôi” (Dẫn theo: Nguyễn Mạnh Tường, 1994: 487). Như vậy, tôn giáo tự nhiên mà các nhà Khai sáng đề cập đến khác hẳn với một tôn giáo thần khải như chúng ta thường

thấy với những thành phần như nhà thờ, giáo luật, lễ nghi... Thông qua tôn giáo tự nhiên, con người có thể tiếp xúc trực tiếp với Đấng Tối cao thông qua niềm tin; nhờ đó mà đã loại bỏ vai trò của nhà thờ và thế lực thần quyền kìm hãm cuộc sống của con người. Xu hướng tôn giáo tự nhiên đã tách đạo đức ra khỏi ảnh hưởng, ràng buộc của tôn giáo và đồng thời cá nhân hóa hoạt động tôn giáo; làm cho tôn giáo chỉ còn là hoạt động mang tính riêng tư của cá nhân. Đây cũng là một trong những biểu hiện của quyền tự do cá nhân - một tiêu chuẩn đạo đức trong triết học Khai sáng Pháp.

Xét về phương diện đạo đức, tư tưởng khoan dung tôn giáo đã thể hiện sự phản kháng đối với việc áp đặt niềm tin từ nhà thờ; qua đó đề cao ý thức về tự do và cổ vũ sôi nổi cho cuộc đấu tranh đòi quyền tự do cá nhân. Bên cạnh đó, các nhà Khai sáng còn đặc biệt quan tâm đến vấn đề khoan dung văn hóa. Họ khẳng định, phong tục tập quán ở những nơi khác nhau có sự khác biệt tương đối về điều kiện sinh hoạt vật chất như thức ăn, đồ mặc, nơi ở...; do đó, không được lên án hay loại trừ chúng. Ngay việc con người có những quan niệm khác biệt về tư tưởng và niềm tin thì cũng không thể là nguyên nhân cho bất cứ một sự xung đột nào. Vượt lên trên hết là tinh thần khoan dung, là tình bác ái; bởi toàn bộ loài người là anh em, đúng như tinh thần mà Voltaire đã viết: “Chúa không hề cho chúng tôi một trái tim để ghét bỏ nhau và những cánh tay để chém giết nhau; những khác biệt nhỏ nhỏ giữa cách ăn mặc của chúng tôi, ngôn ngữ của chúng tôi, phong tục của chúng tôi, những luật lệ của chúng tôi, những ý kiến của chúng tôi, tất cả những sắc thái nhỏ bé phân biệt giữa những con người với nhau, Chúa không làm cho chúng trở thành những dấu hiệu để chúng

tôi ghét bỏ nhau! (...) ước gì tất cả mọi người nhớ ra rằng họ đều là anh em!” (Dẫn theo: Phùng Văn Tửu, Tập 3, 1991: 54). Có lẽ vì thế mà tự do, bình đẳng, bác ái đã trở thành khẩu hiệu nổi tiếng của cuộc Đại Cách mạng Tư sản Pháp năm 1789. Ở đây, khoan dung về văn hóa đã trở thành chuẩn mực của cái thiện tối cao khi nó mang lại hòa bình, tự do, bình đẳng và tình bác ái cho con người.

2. Giá trị lịch sử và hạn chế của quan niệm về mẫu hình đạo đức trong triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII

2.1. Giá trị lịch sử

Khi nhận xét về triết học Khai sáng Pháp, Dominique Bouquet đã khẳng định “đôi với một đề tài rộng lớn như đề tài về các nhà Khai sáng, cảm hứng luôn luôn là vô tận” (Bouquet, 2014: 165). Phản ánh khát vọng của thời đại, các nhà Khai sáng Pháp đã có công lao to lớn trong việc xác lập mẫu hình đạo đức lý tưởng phù hợp với thời đại mới. Khi không còn sự thống trị của các thế lực phong kiến và nhà thờ, chuẩn mực đầu tiên của đạo đức chính là tự do. Chuẩn mực đạo đức tiếp theo là có lý trí tinh táo, biết suy xét và không thiên kiến sự việc, có tinh thần khai sáng. Cuối cùng, con người có đạo đức là người biết chấp nhận những khác biệt của người khác. Mẫu hình đạo đức lý tưởng này đã làm toát lên hình ảnh của một con người cá nhân trong xã hội tư sản, định hình nên tư tưởng đạo đức của giai cấp tư sản và đã trở thành những đòi hỏi phổ biến về mặt đạo đức trong xã hội tư sản hiện đại. Đó cũng là minh chứng cho sức ảnh hưởng mạnh mẽ của mẫu hình đạo đức trong triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII.

Triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII đã đem lại diện mạo hoàn toàn mới cho đạo đức khi thoát ra khỏi sự chi phối hay

áp đặt từ thế quyền và thần quyền. Với tính chất thế tục và cá nhân hóa của đạo đức, mẫu hình đạo đức lý tưởng không còn là sự sùng đạo hay tinh thần nghĩa hiệp theo phong kiến như trước, thay vào đó là tự do, bình đẳng, là năng lực suy xét và tự lựa chọn. Như vậy, có thể khẳng định đóng góp lớn nhất của các nhà Khai sáng Pháp đối với sự phát triển của lịch sử tư tưởng đạo đức chính là đưa đạo đức từ vị trí gắn liền với đức tin trở về vị trí mang tính thế tục và cá nhân.

Tính chất thế tục và cá nhân hóa đã làm cho các chuẩn mực đạo đức có thể hiện diện ở tất cả mọi người, cụ thể là tất cả những ai có lý trí tinh táo đều có thể đạt đến. Các nhà Khai sáng đã nỗ lực đem lại sự bình đẳng trong lĩnh vực đạo đức xã hội. Đó là kết quả của việc đề cao lý tính và bản tính tự nhiên của con người. Mọi người đều có thể thông qua giáo dục để trở thành con người có đạo đức.

Như vậy, chúng ta có thể tìm thấy tính tích cực của các nhà Khai sáng trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản đang phát triển mạnh mẽ và đang xác lập sự thống trị trên mọi phương diện. Đây cũng là lúc giai cấp tư sản thể hiện tính tích cực của nó trong lịch sử. Do đó, những chuẩn mực đạo đức mà nó hướng đến cũng mang tính tích cực, phổ biến. Nó đại diện cho cái tiến bộ và cái thiện trong thời đại mới. Những quan điểm về tự do, bình đẳng, về lý tưởng khai sáng, về lòng khoan dung... chứa đựng nhiều giá trị để các nhà tư tưởng ở các thời đại sau kế thừa.

2.2. Một số hạn chế

Do bị chi phối bởi điều kiện lịch sử - xã hội đương thời, quan niệm về mẫu hình đạo đức trong triết học Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Đó là việc quá đề cao tinh thần duy

lý, lý tưởng khai sáng và xem chúng như một thứ vũ khí duy nhất có thể đưa con người thoát khỏi sự ngu dốt, xiềng xích và gông cùm; hay việc đồng nhất giữa tri thức với đạo đức, xem người có đạo đức chính là con người có lý tính và có tri thức khoa học và ngược lại chỉ xem những người có học mới là những người đạo đức.

Bên cạnh đó, việc quá đề cao hoạt động mang tính bản chất - hoạt động khai sáng, truyền bá tri thức và xem đó là phương tiện để cải tạo xã hội, thúc đẩy sự phát triển cá nhân của các nhà Khai sáng đã thể hiện rõ tính chất duy tâm và ảo tưởng xã hội. Điều này đã dẫn tới hệ quả là hầu hết các nhà duy vật Pháp thế kỷ XVIII đều có quan điểm duy tâm khi giải thích về nguồn gốc loài người và xã hội, cũng như những quy luật vận động của nó (Bouquet, 2014: 165). Do tính chất duy tâm về xã hội nên những phương tiện cải tạo xã hội mà họ đưa ra đều mang tính ảo tưởng và không triệt để. Đây cũng là hạn chế mang tính lịch sử; nghĩa là hạn chế không thể nào vượt qua trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ. Hạn chế này của các nhà Khai sáng đã bị K. Marx phê phán như sau: “Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa coi sự thay đổi là do hoàn cảnh và giáo dục gây ra, đã quên rằng cần phải có những con người để làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục. Bởi vậy học thuyết đó phải chia xã hội thành hai bộ phận trong đó có một bộ phận đứng lên trên xã hội” (*C. Mác, Ph. Ăngghen, Tuyển tập*, Tập 1, 1980: 266).

Kết luận

Được hình thành trong thời kỳ đặc biệt của lịch sử nước Pháp - thời kỳ chuẩn bị cho Đại Cách mạng Tư sản năm 1789, mẫu hình đạo đức lý tưởng trong triết học Khai sáng Pháp chính là đại diện cho tư tưởng của giai cấp tư sản với tư cách là một lực

lượng xã hội tích cực và tiên bộ nhất lúc bấy giờ. Để khẳng định tính chất “tích cực phổ biến”, giai cấp tư sản đã nỗ lực xây dựng một mẫu hình đạo đức với những chuẩn mực mới như sự tự do, khả năng duy lý, tinh thần khai sáng và khoan dung nhằm khẳng định địa vị của mình; từ đó dẫn đến những yêu cầu đạo đức mới đối với con người trong xã hội mới. Điều đó đã làm nổi bật lên tính đặc thù trong quan niệm về đạo đức của các nhà Khai sáng khi tìm cách thoát khỏi những quan điểm đạo đức của phong kiến và của nhà thờ. Mặc dù khó có thể tránh khỏi những hạn chế nhất định do lịch sử mang lại, nhưng mẫu hình đạo đức lý tưởng mà họ đưa ra chính là một đóng góp lớn trong lịch sử tư tưởng đạo đức của nhân loại □

Tài liệu tham khảo

1. Bouquet, Dominique (2004), *Les Lumières en France et en Europe*, Éditeur de Pocket, Paris.
2. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn (2006), *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Thị Thu Hương (2019), “Ch.S. Montesquieu - Nhà triết học Khai sáng Pháp với tư tưởng đề cao Tinh thần pháp luật”, Tạp chí *Triết học*, số 7 (218), tr. 77-81.
4. *C. Mác, Ph. Ăngghen, Tuyển tập*, Tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
5. Montesquieu (2004), *Bàn về tinh thần pháp luật*, Hoàng Thanh Đạm (dịch), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Rousseau, J.J. (2004), *Bàn về kế ước xã hội*, Hoàng Thanh Đạm (dịch), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

(xem tiếp trang 44)